

Phiên bản: 2025-1

Bảng dữ liệu an toàn

1. Hóa chất và công ty Hóa chất: Sơn gốc nước

BOOST màu hồng huỳnh quang F23 (WF9)
Tên khác: --- Công dụng khuyến
ngiht và hạn chế sử dụng: Công dụng trong công nghiệp Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp (TÊN
THƯƠNG HIỆU), Địa chỉ, Điện thoại: TAI YUANG INDUSTRIES CO., LTD. (SƠN BA VUA) 1400, CHUNG SHAN RD, SHEN KANG TAICHUNG TAIWAN.TEL: 04-25622009 Tên nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp (tên thương hiệu), địa chỉ và số điện thoại: Taiyuan Industrial Co., Ltd. (Sơn Sanwang) / Số 1400, Đường Zhongshan, Shengang, Đài Trung / 04-25622009 Điện thoại khẩn cấp / Fax: TEL: 119 hoặc 04-25622009 FAX: 04-25620931 Điện thoại khẩn cấp / Fax: 119 hoặc

04-25622009 / 04-25620931 2. Dữ liệu nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại nguy cơ hóa chất: không có
Nội dung được dán nhãn: Không áp dụng phân loại GHS Từ cảnh báo: không có Thông báo cảnh báo nguy hiểm: không có Biện pháp phòng ngừa nguy hiểm: không có Chung: không có Phòng: không có ngừa: không có Phản hồi: không có Lưu trữ: Không có tuyên bố lưu trữ CLP/GHS. Xử lý: không Nội dung được dán nhãn: Không áp dụng phân loại GHS Từ ngữ cảnh báo: Không Thông báo cảnh báo nguy hiểm: Không Biện pháp phòng ngừa nguy hiểm: Không Chung: Không Phòng ngừa: Không Lưu trữ: Không Tuyên bố lưu trữ CLP/GHS : Không

3. Thành phần / Thông tin về thành phần pha trộn

Tính chất hóa học		
Tên các thành phần nguy hiểm Các thành phần nguy hiểm bằng tiếng Trung và tiếng Anh	Nồng độ / Phần trăm Nồng độ hoặc phạm vi nồng độ (phần trăm thành phần)	Số CAS. Số đăng ký dịch vụ tóm tắt
NHỰA PU	phần) 27 ± 3	hóa học 9009-54-5
SẮC TỔ / Hồng huỳnh quang (F23) (Nhựa amin (loại 570) / Đồ cơ bản 11 / Đồ cơ bản 1 Nước	9 ± 3 (Bí mật thương mại / Bí mật thương mại / Bí mật thương mại) Thêm vào 100	NA (25035-72-7 / 2390-63-8 / 989-38-8
		7732-18-5

4. Biện pháp sơ cứu:

Phiên bản: 2025-1

<p>Quy trình sơ cứu và cấp cứu ` hít phải:</p> <p>Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi.</p> <p>` Tiếp xúc với da: Nước rửa sẽ tiếp xúc với vùng da bị</p> <p>`</p> <p>đính. Tiếp xúc với mắt: Rửa sạch với nhiều nước.</p> <p>` nuốt phải: Không gây nôn, hãy tìm kiếm lời khuyên y tế ngay lập tức</p> <p>Các phương pháp sơ cứu cho các đường tiếp xúc khác nhau</p> <p>`Hít phải: Di chuyển đến khu vực thông thoáng, giữ ấm cho bệnh nhân và cho họ nghỉ ngơi</p> <p>`Tiếp xúc với da: Rửa vùng da tiếp xúc bằng nước.</p> <p>`Tiếp xúc với mắt: Rửa mắt bằng nhiều nước.</p> <p>`Nếu nuốt phải: Không được gây nôn, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức.</p>
<p>Các triệu chứng quan trọng nhất và tác động nguy hiểm: Dữ liệu không có triệu chứng cụ thể.</p> <p>Các triệu chứng và tác dụng phụ quan trọng nhất: Không có dữ liệu về các triệu chứng cụ thể</p>
<p>Bảo vệ người sơ cứu: Không có thông tin nào</p> <p>Bảo vệ cho nhân viên khẩn cấp: Không có</p>
<p>Chỉ định bất kỳ sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt nào cần thiết: Điều trị triệu chứng.</p> <p>Lưu ý cho bác sĩ: Điều trị triệu chứng</p>

5. Biện pháp phòng cháy chữa cháy:

<p>Phương tiện chữa cháy phù hợp: CO2. Bột hóa chất khô. Bột.</p> <p>Các chất chữa cháy có thể sử dụng: carbon dioxide, bột hóa chất khô, bột.</p>
<p>Nguy cơ phơi nhiễm đặc biệt: không có</p> <p>Những mối nguy hiểm đặc biệt có thể gặp phải trong quá trình chữa cháy: Không có</p>
<p>Quy trình dập tắt đặc biệt: không có</p> <p>Quy trình chữa cháy đặc biệt: Không có</p>
<p>Lời khuyên cho lính cứu hỏa: Lính cứu hỏa phải đeo mặt nạ dưỡng khí, quần áo và găng tay bảo hộ.</p> <p>Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Lính cứu hỏa phải đeo mặt nạ phòng độc, quần áo bảo hộ và găng tay.</p>

6. Các biện pháp phát hành ngẫu nhiên

<p>Bảo vệ cá nhân: Tránh xa khu vực trước khi vệ sinh khu vực bị ô nhiễm.</p> <p>Biện pháp phòng ngừa cá nhân: Hạn chế ra vào khu vực bị ô nhiễm cho đến khi khu vực đó được dọn sạch hoàn toàn.</p>
<p>Bảo vệ môi trường: Không để sản phẩm chảy vào cống rãnh.</p> <p>Biện pháp phòng ngừa môi trường: Tránh đổ vào cống rãnh.</p>
<p>Phương pháp làm sạch: Phủ cát lên vết đổ. Lau sạch bề mặt bị nhiễm bẩn.</p> <p>Phương pháp vệ sinh: Dùng bùn và cát để thấm và vệ sinh sạch sẽ.</p>

7. Xử lý và lưu trữ

<p>Xử lý: Nơi làm việc tránh nhiệt độ cao và duy trì thông gió tốt.</p> <p>Xử lý: Tránh nhiệt độ cao tại nơi làm việc và duy trì thông gió tốt.</p>
<p>Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p>

8. Kiểm soát phơi nhiễm / Bảo vệ cá nhân

<p>Yếu tố kiểm soát</p> <p>HAI / BỘ / TRẦN NHÀ / Chỉ số sinh học</p> <p>Nồng độ cho phép trung bình theo giờ và theo ngày/nồng độ cho phép trung bình ngắn hạn/nồng độ cho phép tối đa/chỉ số sinh học</p> <p>--- --- --- ---</p>

Phiên bản: 2025-1

Thiết bị bảo hộ cá nhân: `Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang. `Bảo vệ tay: Đeo găng tay. `Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ. `Bảo vệ da và cơ thể: Phải mặc áo khoác phòng thí nghiệm
Thiết bị bảo hộ cá nhân: `Bảo vệ hô hấp: Đeo khẩu trang. `Bảo vệ tay: Đeo găng tay. `Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ. `Bảo vệ da và cơ thể: Mặc áo khoác phòng thí nghiệm.
Quy trình vệ sinh: Không ăn uống trong giờ làm việc, rửa tay sau khi làm việc.

9. Tính chất vật lý và hóa học / Đặc điểm Mùi: nhẹ

Ngoại quan (Hình dạng & Màu sắc): chất lỏng màu hồng	
Ngưỡng khứu giác: --- Giá trị pH:	Điểm nóng chảy: ---
7~8,5 Giá trị pH: 7-8,5	Điểm sôi / Phạm vi sôi: >100°C Điểm sôi/phạm vi sôi:>100°C
Nhiệt độ phân hủy: Không có dữ liệu	Điểm chớp cháy: NA Phương pháp thử nghiệm (cốc hở hoặc cốc kín): NA Điểm chớp cháy: Không áp dụng Phương pháp thử nghiệm (cốc hở hoặc cốc kín): Không áp dụng
Nhiệt độ tự phát --- Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu	Giới hạn phơi nhiễm --- Giới hạn nổ: ---
Áp suất hơi: nước 23,76 mmHg ở 25°C Trọng lượng riêng: 1,0~1,2 g/cm³	Mật độ hơi:--- Mật độ hơi:---
	Độ hòa tan trong nước: Phân tán trong nước
Hệ số phân phối octanol / nước (log Kow): --- Hệ số phân chia octanol/nước (log Kow):---	Tốc độ bay hơi: ---

10. Độ ổn định và khả năng phản ứng

Độ ổn định: Ổn định trong điều kiện bình thường. Độ ổn định: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Điều kiện đặc biệt của phản ứng nguy hiểm: không có
Điều kiện cần tránh: Không có Điều kiện cần tránh: Không có
Vật liệu cần tránh: Chất oxy hóa mạnh, axit, kiềm

Phiên bản: 2025-1

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: không có
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không có

11. Thông tin về độc tính

Tiếp xúc có nghĩa là: hít phải, da, nuốt phải, mắt
Triệu chứng: ---
Triệu
chứng:-- Độc tính cấp tính: ---
Lưu ý: --
Độc tính mãn tính hoặc độc tính dài hạn: Sản phẩm này không chứa các thành phần được phân loại là nguy hiểm và/hoặc không chứa các thành phần nguy hiểm vượt quá tỷ lệ phần trăm giới hạn GHS.
Độc tính mãn tính hoặc lâu dài: Sản phẩm không chứa các thành phần được phân loại là nguy hiểm và/hoặc chứa các thành phần nguy hiểm không vượt quá tỷ lệ phần trăm giới hạn GHS.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh học: ---
Độc tính sinh thái:---
Sự suy thoái và dai dẳng:
Chu kỳ bán rã (không khí) ---
Chu kỳ bán rã (bề mặt nước) ---
Chu kỳ bán rã (nước) ---
Chu kỳ bán rã (đất) ---
Độ bền và khả năng phân
hủy: Thời gian bán hủy (không khí) ---
Chu kỳ bán rã (bề mặt nước) ---
Chu kỳ bán rã (nước ngầm) ---
Chu kỳ bán rã (đất) ---
Tiết kiệm sinh học: ---
Tích lũy sinh học: ---
Đất của sự di chuyển: ---
Độ di động trong đất: ---
Tác dụng phụ khác: ---
Tác dụng phụ khác: ---

13. Những cân nhắc về việc xử lý

Cân nhắc về xử lý: Chỉ đốt trong lò đốt được phê duyệt chính thức.
Phương pháp xử lý chất thải: Đốt trong lò đốt được chính phủ phê duyệt.

14. Thông tin vận chuyển

Số của Liên Hợp Quốc: Không do Liên Hợp Quốc quản lý
Số của Liên Hợp Quốc: Không có trong danh sách của Liên Hợp Quốc
Phân loại nguy cơ vận chuyển: ---
Phân loại nguy cơ vận chuyển: ---
Loại bao bì:---
Loại bao bì: ---
Ô nhiễm biển (có / không): không
Chất gây ô nhiễm biển (có/không): không

Phiên bản: 2025-1

Và việc giao hàng cần đặc biệt lưu ý: --- Phương pháp giao
hàng đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa: Không có

15. Thông tin quy định

Luật và quy định hiện hành:
Quy định, quy tắc về Cơ sở An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, quy tắc an toàn giao thông đường bộ ,
Chất nguy hiểm và chất độc hại, và các quy tắc chung được đánh dấu, Tiêu chuẩn rõ ràng về cơ
sở xử lý
và lưu trữ chất thải công nghiệp

16. Thông tin khác

Thẩm quyền giải quyết	Cơ sở dữ liệu CHEMINFO, cơ sở dữ liệu HSDB	
Đơn vị lập bảng công ty	Tên: TAI YUANG INDUSTRIES CO.,LTD. Tên: Công ty TNHH Công nghiệp Thái Nguyên	
	Địa chỉ/Điện thoại: 1400, ĐƯỜNG TRUNG SHAN, SHEN KANG ĐÀI TRUNG, ĐÀI LOAN. ĐIỆN THOẠI: 04-25622009 Địa chỉ/Điện thoại : Số 1400, Đường Trung Sơn, Xã Thâm Cường, Huyện Đài Trung. ĐIỆN THOẠI: 04-25622009 Chức vụ chuyên môn: QUẢN LÝ Chức danh:	
Chuẩn bị bằng cách tạo một bảng	Quản lý 2025.5.2	Tên (Ký hiệu): Kelly Wu
Ngày phát hành Ngày lập bảng		